

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A01-01	Lê Thị Hồng Ân	434	35	8.8
A01-02	Phạm Thị Tuyết Anh	431	25	6.3
A01-03	Ngô Nhật Anh	433	32	8
A01-04	Dương Tăng Gia Bảo	431	24	6
A01-05	Phạm Chương Đài	434	25	6.3
A01-06	Bùi Minh Đức	434	34	8.5
A01-07	Đinh Thị Bảo Hân	432	25	6.3
A01-08	Phạm Khánh Huyền	433	34	8.5
A01-09	Nguyễn Đức Minh Khôi	0	0	0
A01-10	Hỷ Vũ Gia Linh	433	32	8
A01-11	Lưu Ngọc Linh	434	34	8.5
A01-12	Nguyễn Hoàng Như Mai	434	35	8.8
A01-13	Cao Nguyễn Hà My	433	30	7.5
A01-14	Cao Ánh Trà My	431	27	6.8
A01-15	Nguyễn Lê Hoàng Mỹ	433	34	8.5
A01-16	Châu Nguyễn Phương Nam	434	30	7.5
A01-17	Đoàn Kim Nga	431	35	8.8
A01-18	Nguyễn Thanh Ngân	433	33	8.3
A01-19	Diệp Mỹ Ngọc	434	26	6.5
A01-20	Huỳnh Nguyễn Hiếu Nhi	432	33	8.3
A01-21	Trần Nguyễn Linh Nhu	433	34	8.5
A01-22	Hồ Phương Như	434	34	8.5
A01-23	Trang Trần Kim Oanh	431	36	9
A01-24	Nguyễn Vĩnh Phong	433	34	8.5
A01-25	Phạm Thanh Phương	434	30	7.5
A01-26	Trương Lê Như Quỳnh	434	28	7
A01-27	Nguyễn Hoàng Thiên Thanh	432	32	8
A01-28	Nguyễn Thanh Thảo	431	32	8
A01-29	Vy Hạ Thi	432	16	4
A01-30	Võ Ngọc Anh Thư	431	34	8.5
A01-31	Đào Nguyễn Thanh Thư	433	33	8.3
A01-32	Huỳnh Trương Đăng Thư	434	34	8.5
A01-33	Mai Thị Thanh Thủy	432	31	7.8
A01-34	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	433	25	6.3
A01-35	Nguyễn Mỹ Ngọc Trân	432	34	8.5
A01-36	Nguyễn Thanh Trúc	434	30	7.5
A01-37	Nguyễn Tuấn	431	29	7.3
A01-38	Hoàng Thái Tuấn	433	32	8
A01-39	Đoàn Phương Uyên	433	35	8.8
A01-40	Phạm Quang Vinh	432	33	8.3
A01-41	Nguyễn Tiêu Đông Vũ	431	30	7.5
A01-42	Nguyễn Thị Tường Vy	432	37	9.3
A01-43	Phan Quang Thiện			
A01-44				
A01-45				
A01-46				
A01-47				
A01-48				
A01-49				
A01-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A02-01	Lê Nguyễn Hoàng Ân	432	21	5.3
A02-02	Võ Nguyễn Lan Anh	434	35	8.8
A02-03	Võ Thị Lan Anh	432	33	8.3
A02-04	Nguyễn Bùi Trâm Anh	431	36	9
A02-05	Trần Bảo Anh	433	31	7.8
A02-06	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	432	35	8.8
A02-07	Nguyễn Ngọc Thúy Diễm	432	34	8.5
A02-08	Lê Hoàng Ngọc Diệp	431	38	9.5
A02-09	Nguyễn Lê Hạnh Dung	432	37	9.3
A02-10	Nguyễn Dương Duy Dương	431	35	8.8
A02-11	Dương Thanh Hải	431	32	8
A02-12	Nguyễn Triệu Bảo Hân			
A02-13	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	433	32	8
A02-14	Lý Bảo Hoa	434	34	8.5
A02-15	Lê Đắc Hoan	431	31	7.8
A02-16	Lưu Thị Thu Hương	434	30	7.5
A02-17	Tô Nhật Tú Hương	432	33	8.3
A02-18	Nguyễn Đức Khải	431	36	9
A02-19	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	431	16	4
A02-20	Đăng Đăng Khoa	432	34	8.5
A02-21	Nguyễn Thị Mai Linh	432	38	9.5
A02-22	Hàn Thanh Mai	433	33	8.3
A02-23	Ngô Nữ Quỳnh My	432	22	5.5
A02-24	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	434	35	8.8
A02-25	Châu Mẫn Nghi	431	33	8.3
A02-26	Phạm Lê Hoài Ngọc	433	31	7.8
A02-27	Hồ Đoàn Y Nhi	434	23	5.8
A02-28	Nguyễn Thị Uyên Nhi	431	34	8.5
A02-29	Trương Thị Mộng Như	432	19	4.8
A02-30	Trần Khánh Như	431	36	9
A02-31	Lê Minh Nhựt	433	30	7.5
A02-32	Lý Nam Phát	434	38	9.5
A02-33	Trần Thị Mỹ Phương	433	25	6.3
A02-34	Ong Minh Quang	432	35	8.8
A02-35	Trần Ngọc Phương Quyên	434	35	8.8
A02-36	Nguyễn Thúy Quỳnh	431	29	7.3
A02-37	Lê Thị Hồng Thắm	431	33	8.3
A02-38	Bùi Thị Phương Thanh	434	32	8
A02-39	Lê Ngọc Hương Thảo	433	29	7.3
A02-40	Nguyễn Trà Anh Thư	432	26	6.5
A02-41	Bùi Nguyễn Minh Thư	431	32	8
A02-42	Võ Minh Thư	433	35	8.8
A02-43	Phạm Huỳnh Bích Thuận	433	35	8.8
A02-44	Phan Ngô Trọng Anh Tú	433	34	8.5
A02-45	Đào Thị Tường Vy	434	30	7.5
A02-46				
A02-47				
A02-48				
A02-49				
A02-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A03-01	Nguyễn Như Kiều Anh	434	34	8.5
A03-02	Nguyễn Thị Ngọc Anh	432	26	6.5
A03-03	Chánh Hưng Bách	433	35	8.8
A03-04	Phùng Thị Ngọc Bích	432	26	6.5
A03-05	Đinh Thị Y Bình	434	27	6.8
A03-06	Trịnh Cao Cát	431	34	8.5
A03-07	Lê Thành Chương	433	34	8.5
A03-08	Từ Khánh Duy	432	28	7
A03-09	Nguyễn Thùy Dương	433	34	8.5
A03-10	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	432	32	8
A03-11	Nguyễn Thị Mai Hân	434	36	9
A03-12	Trần Nguyễn Gia Hân	433	31	7.8
A03-13	Đặng Ngọc Hân	431	36	9
A03-14	Phạm Trần Mỹ Hạnh	431	30	7.5
A03-15	Nguyễn Vũ Mai Hạnh	433	31	7.8
A03-16	Trần Thị Thu Hiền	431	35	8.8
A03-17	Nguyễn Trần Thúy Hồng	433	34	8.5
A03-18	Võ Hoàng Lan	431	30	7.5
A03-19	Trần Quỳnh My	434	23	5.8
A03-20	Đặng Mai Bảo My	431	35	8.8
A03-21	Hồ Thị Như Ngân	432	24	6
A03-22	Lê Hoàng Bảo Ngọc	431	33	8.3
A03-23	Phạm Bảo Ngọc	432	30	7.5
A03-24	Nguyễn Thị Quỳnh Như	433	36	9
A03-25	Trịnh Mỹ Quyên	431	35	8.8
A03-26	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	433	31	7.8
A03-27	Nguyễn Mỹ Quỳnh	432	21	5.3
A03-28	Đỗ Thị Trúc Quỳnh	434	27	6.8
A03-29	Phún Sín Thái	433	27	6.8
A03-30	Đặng Ngọc Thanh	433	25	6.3
A03-31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	432	29	7.3
A03-32	Nguyễn Huỳnh Hoàng Thiện	434	30	7.5
A03-33	Nguyễn Ngọc Minh Thư	434	37	9.3
A03-34	Trần Phạm Minh Trang	434	30	7.5
A03-35	Hoàng Bảo Trang	433	21	5.3
A03-36	Nguyễn Ngọc Trinh	432	35	8.8
A03-37	Phạm Thị Hồng Trinh	434	31	7.8
A03-38	Nguyễn Hữu Trọng	433	26	6.5
A03-39	Đỗ Thanh Trúc	432	29	7.3
A03-40	Nguyễn Thị Thanh Trúc	431	31	7.8
A03-41	Nguyễn Song Cát Tường	432	36	9
A03-42	Võ Thị Anh Vy	433	30	7.5
A03-43	Lê Tường Vy	431	22	5.5
A03-44	Nguyễn Trần Tường Vy	432	33	8.3
A03-45	Trần Cẩm Vy	434	31	7.8
A03-46				
A03-47				
A03-48				
A03-49				
A03-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A04-01	Trần Văn An	431	33	8.3
A04-02	Hoàng Minh Anh	433	28	7
A04-03	Nguyễn Thành Thái Bảo	432	37	9.3
A04-04	Cao Danh Bảo	434	32	8
A04-05	Trần Thị Mỹ Duyên	433	31	7.8
A04-06	Chống Hiếu Duyên	431	35	8.8
A04-07	Ma Trần Hồng Hạnh	434	29	7.3
A04-08	Dương Ngọc Mỹ Hạnh	433	30	7.5
A04-09	Lê Trung Hoa	432	31	7.8
A04-10	Trần Vũ Quỳnh Hương	433	32	8
A04-11	Hồng Huỳnh Gia Huy	431	30	7.5
A04-12	Nguyễn Đức Gia Huy	432	34	8.5
A04-13	Trần Hoàng Gia Huy	434	32	8
A04-14	Mai Văn Khanh	432	29	7.3
A04-15	Nguyễn Hồng Gia Kiệt	431	34	8.5
A04-16	Nguyễn Phúc Thiên Kim	433	26	6.5
A04-17	Đinh Bảo Lâm	432	32	8
A04-18	Nguyễn Phan Thùy Linh	431	32	8
A04-19	Lê Thủy Linh	433	37	9.3
A04-20	Nguyễn Cát Lợi	431	32	8
A04-21	Nguyễn Thị Xuân Mai	431	35	8.8
A04-22	Lâm Hà Mi	432	32	8
A04-23	Nguyễn Thị Trà My	433	33	8.3
A04-24	Nguyễn Thị Trà My	434	29	7.3
A04-25	Vũ Ngọc Trà My	432	32	8
A04-26	Nguyễn Hoài Nam	432	28	7
A04-27	Đoàn Ngọc Thu Ngân	433	36	9
A04-28	Lâm Ái Ngọc	434	36	9
A04-29	Nguyễn Gia Cẩm Nguyên	433	33	8.3
A04-30	Trần Xuân Nguyệt	431	34	8.5
A04-31	Phan Ngọc Yến Nhi	433	34	8.5
A04-32	Bùi Uyển Nhi	434	31	7.8
A04-33	Vòng Mỹ Như	434	31	7.8
A04-34	Lê Kim Oanh	432	31	7.8
A04-35	Nguyễn Tân Phú	431	26	6.5
A04-36	Vũ Hoàng Phúc	432	22	5.5
A04-37	Huỳnh Đỗ Trung Quân	431	31	7.8
A04-38	Võ Ngọc Mỹ Tâm	432	29	7.3
A04-39	Phan Thị Minh Thư	432	32	8
A04-40	Nguyễn Như Thanh Thủy	434	32	8
A04-41	Lê Thùy Tiên	431	31	7.8
A04-42	Phan Thị Uyên	431	31	7.8
A04-43	Mai Trần Khánh Vy	434	32	8
A04-44	Nguyễn Phi Yến	432	37	9.3
A04-45	Trần Hải Yến	431	35	8.8
A04-46				
A04-47				
A04-48				
A04-49				
A04-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A05-01	Nguyễn Văn An	421	30	7.5
A05-02	Huỳnh Quế Anh	424	27	6.8
A05-03	Lê Trọng Anh	422	32	8
A05-04	Hồ Đức Anh	421	22	5.5
A05-05	Nguyễn Hoài Bảo	422	28	7
A05-06	Nguyễn Thị Kiều Dung	424	28	7
A05-07	Đinh Nguyễn Xuân Dung	422	29	7.3
A05-08	Nguyễn Hồ Trường Hải	424	30	7.5
A05-09	Huỳnh Trần Thanh Hằng	424	26	6.5
A05-10	Quan Cần Hiên	424	31	7.8
A05-11	Lâm Xuân Hiếu	423	34	8.5
A05-12	Chế Gia Huy	424	26	6.5
A05-13	Trần Nhật Huy	423	34	8.5
A05-14	Võ Bá Huy	421	25	6.3
A05-15	Trần Duy Khải	423	27	6.8
A05-16	Trương Minh Khải	424	19	4.8
A05-17	Phạm Chu Chí Khang	423	33	8.3
A05-18	Phạm Trung Kiên	424	31	7.8
A05-19	Trần Vĩ Kiệt	423	27	6.8
A05-20	Nguyễn Thị Diệu Linh	421	30	7.5
A05-21	Mai Tấn Lộc	423	21	5.3
A05-22	Ngô Quang Lộc	424	25	6.3
A05-23	Nguyễn Hoàng Long	423	31	7.8
A05-24	Nguyễn Trần Xuân Mai	421	33	8.3
A05-25	Lê Trọng Nghĩa	424	29	7.3
A05-26	Nguyễn Thái Bảo Ngọc	422	30	7.5
A05-27	Trần Minh Ngọc	423	30	7.5
A05-28	Nguyễn Bá Nhân	421	33	8.3
A05-29	Đỗ Thiện Nhân	422	28	7
A05-30	Nguyễn Đặng Thị Phương Nhung	423	27	6.8
A05-31	Lê Đình Tấn Phát	421	18	4.5
A05-32	Đào Thành Phát	421	25	6.3
A05-33	Đào Huỳnh Trọng Phúc	424	27	6.8
A05-34	Phan Vũ Minh Quân	423	23	5.8
A05-35	Trần Thái Sơn	422	30	7.5
A05-36	Huỳnh Nhựt Tân	421	19	4.8
A05-37	Lâm Thiên Tân	0	0	0
A05-38	Phạm Hà Thái Thiên	424	21	5.3
A05-39	Đỗ Khải Minh Thư	423	22	5.5
A05-40	Trương Văn Minh Thức	421	33	8.3
A05-41	Nguyễn Văn Tiến	424	26	6.5
A05-42	Nguyễn Thị Thu Trang	422	36	9
A05-43	Đỗ Ngọc Đoan Trang	424	29	7.3
A05-44	Nguyễn Nhật Trường	422	25	6.3
A05-45	Đoàn Huỳnh Minh Vy	422	35	8.8
A05-46	Lê Hoàng Vỹ	421	16	4
A05-47				
A05-48				
A05-49				
A05-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A06-01	Võ Mỹ Kim Anh	423	34	8.5
A06-02	Đỗ Mai Anh	424	37	9.3
A06-03	Đoàn Ngọc Bảo	424	33	8.3
A06-04	Trần Châu Hoàn Bình	424	34	8.5
A06-05	Nguyễn Minh Châu	423	29	7.3
A06-06	Trương Anh Duy	424	25	6.3
A06-07	Phạm Lê Hạnh Duyên	421	25	6.3
A06-08	Diệp Thành Đạt	423	21	5.3
A06-09	Nguyễn Dương Đông	423	26	6.5
A06-10	Phạm Ngọc Quỳnh Giao	421	35	8.8
A06-11	Phan Thị Thu Hà	424	32	8
A06-12	Hồ Long Hải	422	25	6.3
A06-13	Ngô Ngọc Hân	422	32	8
A06-14	Lê Quang Nhật Hoàng	421	23	5.8
A06-15	Phạm Minh Hùng	421	33	8.3
A06-16	Phạm Mai Hương	423	30	7.5
A06-17	Lại Phước Huy	422	36	9
A06-18	Chu Thị Kim Lắm	422	36	9
A06-19	Lê Vũ Thùy Linh	422	31	7.8
A06-20	Đỗ Nguyễn Ngọc Linh	424	28	7
A06-21	Lê Hoàng Linh	423	28	7
A06-22	Trần Tăng Lộc	422	30	7.5
A06-23	Trần Đức Long	421	29	7.3
A06-24	Nguyễn Viết Bảo Minh	423	29	7.3
A06-25	Huỳnh Lê Nhật Minh	424	26	6.5
A06-26	Phạm Thành Nam	422	26	6.5
A06-27	Lê Nguyễn Tuyết Nhi	423	30	7.5
A06-28	Hồ Gia Như	423	30	7.5
A06-29	Ngô Nhật Ninh	422	32	8
A06-30	Phan Phước Phú	422	12	3
A06-31	Trần Thanh Phương	423	29	7.3
A06-32	Hồ Ngọc Thanh Phương	421	30	7.5
A06-33	Trần Thủy Quỳnh	421	35	8.8
A06-34	Nguyễn Đào Như Quỳnh	422	32	8
A06-35	Trần Phạm Phương Quỳnh	424	26	6.5
A06-36	Vũ Nguyễn Thanh Sang	421	21	5.3
A06-37	Đoàn Quyết Thắng	423	26	6.5
A06-38	Phạm Công Thành	421	28	7
A06-39	Hoàng Ngọc Anh Thư	421	31	7.8
A06-40	Lê Huỳnh Thanh Thủy	424	31	7.8
A06-41	Vũ Đoàn Mai Trang	423	34	8.5
A06-42	Đỗ Thị Đoan Trang	421	37	9.3
A06-43	Đỗ Thị Thùy Trang	422	37	9.3
A06-44	Phạm Anh Tuấn	423	28	7
A06-45	Hồ Bách Việt	422	28	7
A06-46	Trần Phạm Thiên Vương	423	21	5.3
A06-47				
A06-48				
A06-49				
A06-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A07-01	Trương Nguyễn Thiên An	423	33	8.3
A07-02	Ngô Gia Ân	421	29	7.3
A07-03	Trần Quốc Anh	422	28	7
A07-04	Dư Hoàng Bảo	424	27	6.8
A07-05	Nguyễn Tường Thái Cường	423	25	6.3
A07-06	Võ Kim Kỳ Duyên	422	29	7.3
A07-07	Phạm Hoàng Thủy Đan	421	37	9.3
A07-08	Nguyễn Duy Đông	424	31	7.8
A07-09	Nguyễn Hoàng Giang	424	25	6.3
A07-10	Nguyễn Ngọc Hà	422	33	8.3
A07-11	Trần Đức Phúc Hậu	422	34	8.5
A07-12	Ngô Minh Hiền	423	28	7
A07-13	Trần Ngọc Hiền	421	28	7
A07-14	Ngô Quang Hưởng	421	29	7.3
A07-15	Đoàn Gia Huy	424	16	4
A07-16	Nguyễn Hoàng Triều Huy	423	33	8.3
A07-17	Đoàn Văn Kiều	423	22	5.5
A07-18	Lê Gia Lạc	421	32	8
A07-19	Trần Hoàng Khánh Linh	421	29	7.3
A07-20	Nguyễn Bảo Long	422	25	6.3
A07-21	Lê Phước Hoàng Minh	422	24	6
A07-22	Trần Công Anh Minh	423	17	4.3
A07-23	Nguyễn Hiếu Ngân	421	31	7.8
A07-24	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	421	33	8.3
A07-25	Nguyễn Thị Thùy Nguyên			
A07-26	Tô Ngọc Yến Nhi	424	31	7.8
A07-27	Trần Hoàng Tuyết Nhi	422	35	8.8
A07-28	Nguyễn Bình Thục Nhiên	424	23	5.8
A07-29	Đào Thế Phong	421	26	6.5
A07-30	Nguyễn Hoài Phước	421	32	8
A07-31	Hồ Ngọc Uyên Phương	422	30	7.5
A07-32	Phạm Hoàng Quân	424	30	7.5
A07-33	Trương Gia Quý	424	30	7.5
A07-34	Nguyễn Thanh Tân	424	30	7.5
A07-35	Đồng Nguyễn Đức Thành	422	26	6.5
A07-36	Nguyễn Ngọc Thảo	421	30	7.5
A07-37	Nguyễn Tấn Thọ	423	28	7
A07-38	Nguyễn Phước Trung	422	30	7.5
A07-39	Đỗ Thành Tú	424	30	7.5
A07-40	Trần Anh Tuấn	421	29	7.3
A07-41	Lâm Thị Thanh Tuyền	422	32	8
A07-42	Đoàn Nguyễn Thanh Uyên	424	29	7.3
A07-43	Phạm Nguyễn Gia Uyên	422	33	8.3
A07-44	La Văn Vũ	424	38	9.5
A07-45	Nguyễn Trần Bảo Vy	424	18	4.5
A07-46				
A07-47				
A07-48				
A07-49				
A07-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A08-01	Nguyễn Xuân An	424	27	6.8
A08-02	Nguyễn Ngọc Huyền Anh	423	28	7
A08-03	Trần Tuấn Anh	421	28	7
A08-04	Phan Quốc Anh	422	13	3.3
A08-05	Đinh Gia Bảo	423	15	3.8
A08-06	Dương Thị Chung	422	20	5
A08-07	Huỳnh Tuấn Duy	423	34	8.5
A08-08	Lê Hữu Hải Đăng	422	29	7.3
A08-09	Trần Phúc Đức	421	21	5.3
A08-10	Bùi Thị Phương Hằng	422	27	6.8
A08-11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	421	15	3.8
A08-12	Nguyễn Ngọc Hiếu	421	35	8.8
A08-13	Nguyễn Viết Huy	421	31	7.8
A08-14	Mai Tuấn Huy	421	32	8
A08-15	Bùi Phạm Gia Huy	423	31	7.8
A08-16	Cao Minh Khoa	422	28	7
A08-17	Hồ Minh Khôi	422	32	8
A08-18	Dương Mạnh Kiên	422	24	6
A08-19	Nguyễn Văn Kiệt	424	29	7.3
A08-20	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	422	28	7
A08-21	Nguyễn Hà Linh	424	27	6.8
A08-22	Nguyễn Thị Kim Loan	422	27	6.8
A08-23	Phạm Đăng Hải Minh	421	29	7.3
A08-24	Võ Hà My	422	26	6.5
A08-25	Phạm Thị Kim Ngân	423	29	7.3
A08-26	Nguyễn Trần Huỳnh Như	421	34	8.5
A08-27	Mai Thanh Thiên Phú	421	27	6.8
A08-28	Đỗ Quang Phước	422	29	7.3
A08-29	Trần Đức Tài	423	28	7
A08-30	Nguyễn Thanh Tân	422	29	7.3
A08-31	Đỗ Tân Thạch	421	31	7.8
A08-32	Phạm Minh Thiện	423	32	8
A08-33	Hồ Bảo Thịnh	424	26	6.5
A08-34	Nguyễn Quang Thịnh	422	26	6.5
A08-35	Trần Anh Thịnh	421	20	5
A08-36	Hồ Ngọc Anh Thư	422	33	8.3
A08-37	Mai Thị Minh Thư	424	32	8
A08-38	Trần Huỳnh Anh Thy	421	32	8
A08-39	Nguyễn Trọng Tín	421	34	8.5
A08-40	Đỗ Thị Thùy Trang	424	35	8.8
A08-41	Phạm Nguyễn Minh Trí	424	28	7
A08-42	Võ Văn Trình	423	31	7.8
A08-43	Nguyễn Đức Trung	421	32	8
A08-44	Nguyễn Anh Tú	423	25	6.3
A08-45	Dương Nguyễn Yên Vy	423	28	7
A08-46	Trần Yến Vy	421	29	7.3
A08-47				
A08-48				
A08-49				
A08-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A09-01	Hoàng Ngọc Tú Anh	424	27	6.8
A09-02	Nguyễn Minh Anh	423	28	7
A09-03	Tô Hồng Anh			
A09-04	Đinh Hoàng Gia Minh Chính	423	23	5.8
A09-05	Đỗ Thế Thành Danh	422	29	7.3
A09-06	Nguyễn Đức Hải	421	35	8.8
A09-07	Liệu Gia Hân	421	34	8.5
A09-08	Lê Phạm Ngọc Hiền	422	34	8.5
A09-09	Đỗ Thuý Hồng	422	34	8.5
A09-10	Nguyễn Viết An Huy	424	34	8.5
A09-11	Trần Nhật Huy	422	32	8
A09-12	Phạm Trần Gia Huy	421	27	6.8
A09-13	Bùi Tuấn Khanh	422	28	7
A09-14	Cao Nguyễn Tuấn Khoa	424	30	7.5
A09-15	Nguyễn Đăng Khoa	423	33	8.3
A09-16	Huỳnh Hoàng Anh Khoa	421	35	8.8
A09-17	Trương Minh Khôi	424	23	5.8
A09-18	Nguyễn Thúy Kiều	424	30	7.5
A09-19	Võng Y Lê	423	37	9.3
A09-20	Phạm Hải Long	424	33	8.3
A09-21	Đặng Nguyễn Hoàng Mai	423	29	7.3
A09-22	Nguyễn Lê Nhật Minh	422	32	8
A09-23	Nguyễn Thành Minh	424	29	7.3
A09-24	Nguyễn Ngọc My Na	424	31	7.8
A09-25	Nguyễn Nam	424	30	7.5
A09-26	Trần Thị Tuyết Ngọc	422	37	9.3
A09-27	Lê Thị Bảo Ngọc	424	35	8.8
A09-28	Đào Minh Nhật	423	22	5.5
A09-29	Nguyễn Ngọc Nhi	421	27	6.8
A09-30	Phạm Ngọc Tuyết Nhi	423	30	7.5
A09-31	Tạ Thành Phát	423	35	8.8
A09-32	Đào Minh Phúc	422	27	6.8
A09-33	Đoàn Thị Trúc Phương	424	33	8.3
A09-34	Nguyễn Mạnh Anh Quân	422	23	5.8
A09-35	Trần Nguyễn Ngọc Quyên	423	33	8.3
A09-36	Trần Nhật Quỳnh	423	29	7.3
A09-37	Nguyễn Toàn Thắng	424	34	8.5
A09-38	Lê Tiểu Minh Thư	423	32	8
A09-39	Nguyễn Ngọc Huỳnh Toàn	423	30	7.5
A09-40	Huỳnh Thị Bích Trâm	424	34	8.5
A09-41	Nguyễn Thành Trung	423	33	8.3
A09-42	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	422	31	7.8
A09-43	Đoàn Anh Tuấn	424	35	8.8
A09-44	Bùi Hoàng Anh Tuấn	421	25	6.3
A09-45	Phạm Trường Vĩnh	422	32	8
A09-46				
A09-47				
A09-48				
A09-49				
A09-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A10-01	Vũ Ngọc Trâm Anh	421	35	8.8
A10-02	Vũ Thị Kim Anh	423	34	8.5
A10-03	Hà Gia Bảo	423	32	8
A10-04	Trần Gia Bảo	422	34	8.5
A10-05	Nguyễn Thị Ngọc Bích	0	0	0
A10-06	Lê Hồng Bảo Châu	422	35	8.8
A10-07	Trần Việt Đông	422	30	7.5
A10-08	Lê Như Trường Hải	423	38	9.5
A10-09	Võ Nguyễn Chí Hiếu	422	37	9.3
A10-10	Nguyễn Huy Hoàng	424	34	8.5
A10-11	Lê Trinh Tú Hương	422	34	8.5
A10-12	Trần Quốc Khang	421	36	9
A10-13	Nguyễn Anh Kiệt	422	33	8.3
A10-14	Nguyễn Thanh Phú Kiều	422	37	9.3
A10-15	Đỗ Phương Linh	421	39	9.8
A10-16	Võ Ngọc Thanh Long	423	36	9
A10-17	Mai Nhật Long	421	27	6.8
A10-18	Phạm Hoàng Long	422	32	8
A10-19	Nguyễn Thị Khánh Ly	424	23	5.8
A10-20	Phạm Văn Mạnh	421	38	9.5
A10-21	Lê Phạm Gia Nghi	421	38	9.5
A10-22	Nguyễn Ngọc Nhân	424	26	6.5
A10-23	Nguyễn Thị Tuyết Như	422	33	8.3
A10-24	Lê Hoàng Oanh	424	37	9.3
A10-25	Nguyễn Minh Quân	421	32	8
A10-26	Võ Đức Phương Quỳnh	421	36	9
A10-27	Lê Diễm Quỳnh	422	30	7.5
A10-28	Hồ Thị Thanh Thảo	422	35	8.8
A10-29	Lê Thị Thảo	424	36	9
A10-30	Võ Minh Thơ	422	35	8.8
A10-31	Lữ Phan Đoan Thư	421	38	9.5
A10-32	Phan Thương Thương	422	39	9.8
A10-33	Đặng Thị Bảo Trân	421	36	9
A10-34	Nguyễn Thị Minh Trang	423	35	8.8
A10-35	Đặng Hoàng Thiên Trang	421	40	10
A10-36	Trần Thanh Trí	421	38	9.5
A10-37	Nguyễn Đức Trung	424	28	7
A10-38	Trần Thanh Tùng	424	26	6.5
A10-39	Nguyễn Thanh Vy	422	31	7.8
A10-40	Mai Nhật Phương Vy	424	30	7.5
A10-41				
A10-42				
A10-43				
A10-44				
A10-45				
A10-46				
A10-47				
A10-48				
A10-49				
A10-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A11-01	Dương Lê Nhật Anh	422	18	4.5
A11-02	Nguyễn Lý Văn Bằng	421	32	8
A11-03	Hồ Quốc Bảo	422	33	8.3
A11-04	Nguyễn Thanh Hải	424	29	7.3
A11-05	Phạm Nguyễn Gia Hân	423	31	7.8
A11-06	Trần Minh Hiếu	424	32	8
A11-07	Nguyễn Đức Hòa	423	26	6.5
A11-08	Đào Nguyễn Tuấn Hoàng	422	26	6.5
A11-09	Bùi Hữu Hưởng	422	30	7.5
A11-10	Phạm Đoàn Gia Huy	423	17	4.3
A11-11	Nguyễn Châu Nhật Khánh	423	36	9
A11-12	Trương Gia Khiêm	421	17	4.3
A11-13	Phạm Trịnh Quỳnh Mai	424	35	8.8
A11-14	Lý Ngọc Mai	422	34	8.5
A11-15	Lê Vũ Quế Minh	423	30	7.5
A11-16	Nguyễn Trần Thanh Ngân	424	36	9
A11-17	Nguyễn Trọng Nghĩa	422	26	6.5
A11-18	Trần Phạm Trọng Nhân	424	36	9
A11-19	Lưu Tùng Nhân	422	21	5.3
A11-20	Huỳnh Trần Yến Nhi	422	30	7.5
A11-21	Lưu Tấn Phong	423	30	7.5
A11-22	Trần Hưng Phú	423	32	8
A11-23	Liu Lý Phún	422	32	8
A11-24	Phạm Tả Quân	423	34	8.5
A11-25	Trần Hồng Quân	424	33	8.3
A11-26	Nguyễn Phạm Trung Quân	422	31	7.8
A11-27	Phan Trần Đức Tài	424	27	6.8
A11-28	Lữ Ngọc Thảo	423	28	7
A11-29	Nguyễn Duy Thông	422	27	6.8
A11-30	Nguyễn Ngọc Minh Thư	422	32	8
A11-31	Phạm Thị Thu Tiên	424	33	8.3
A11-32	Bùi Ngọc Bảo Tiên	422	29	7.3
A11-33	Nguyễn Phạm Mỹ Tiên	421	29	7.3
A11-34	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	422	34	8.5
A11-35	Nguyễn Đức Trọng	424	34	8.5
A11-36	Đoàn Ngọc Trung	422	32	8
A11-37	Nguyễn Công Tuyển	423	33	8.3
A11-38	Nguyễn Hoàng Như Uyên	421	31	7.8
A11-39	Trần Quốc Vinh	423	31	7.8
A11-40	Nguyễn Quốc Vương	421	30	7.5
A11-41	Nguyễn Đình Thảo Vy	423	33	8.3
A11-42	Nguyễn Hoàng Hải Vy	423	40	10
A11-43				
A11-44				
A11-45				
A11-46				
A11-47				
A11-48				
A11-49				
A11-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A12-01	Giang Gia Bảo	421	29	7.3
A12-02	Đặng Thị Xuân Diệu	424	35	8.8
A12-03	Đỗ Thị Thùy Dương	422	29	7.3
A12-04	Nguyễn Ngọc Đạo	424	22	5.5
A12-05	Lê Hương Giang	423	37	9.3
A12-06	Trần Văn Hoàng	421	31	7.8
A12-07	Lê Khánh Hoàng	423	39	9.8
A12-08	Nguyễn Phi Hùng	423	37	9.3
A12-09	Nguyễn Duy Hưng	424	29	7.3
A12-10	Lý Đức Hưng	422	40	10
A12-11	Nguyễn Phan Hữu Khanh	424	38	9.5
A12-12	Trần Trung Kiên	421	33	8.3
A12-13	Phạm Đình Trúc Linh	423	34	8.5
A12-14	Trần Thị Thu Loan	421	34	8.5
A12-15	Lê Tấn Lộc	421	33	8.3
A12-16	Bùi Hữu Lộc	423	36	9
A12-17	Trần Trung Lộc	424	30	7.5
A12-18	Lê Đỗ Ngọc Mẫn	424	31	7.8
A12-19	Nguyễn Hoàn Kim Ngân	422	31	7.8
A12-20	Bùi Mạnh Nghĩa	421	33	8.3
A12-21	Nguyễn Vũ Phụng	424	35	8.8
A12-22	Trần Nhật Quang	421	26	6.5
A12-23	Lương Như Quỳnh	424	36	9
A12-24	Phạm Văn Tài	422	35	8.8
A12-25	Hồ Nguyễn Minh Thắng	422	33	8.3
A12-26	Trần Đan Thanh	423	37	9.3
A12-27	Ma Minh Thành	424	28	7
A12-28	Nguyễn Lê Phương Thảo	421	34	8.5
A12-29	Trần Thị Thanh Thảo	422	32	8
A12-30	Võ Mai Trang Thơ	421	36	9
A12-31	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	424	38	9.5
A12-32	Lê Minh Tiến	422	37	9.3
A12-33	Trần Ngọc Trâm	422	36	9
A12-34	Bùi Thị Ngọc Trang	422	34	8.5
A12-35	Huỳnh Minh Trí	423	34	8.5
A12-36	Hoàng Văn Lê Trí	424	28	7
A12-37	Nguyễn Thái Tú	421	16	4
A12-38	Trịnh Đình Tuấn	423	37	9.3
A12-39	Nguyễn Thị Kim Tuyền	421	30	7.5
A12-40	Ngô Thanh Vân	423	34	8.5
A12-41	Võ Quang Vinh	421	36	9
A12-42	Ngô Thị Yến Vy	424	33	8.3
A12-43				
A12-44				
A12-45				
A12-46				
A12-47				
A12-48				
A12-49				
A12-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A13-01	Lê Trúc Ân	423	33	8.3
A13-02	Trương Trần Bảo Châu	421	31	7.8
A13-03	Nguyễn Hoàng Tuấn Đạt	421	23	5.8
A13-04	Nguyễn Võ Thái Đình	422	31	7.8
A13-05	Đoàn Phan Tài Đức	423	29	7.3
A13-06	Trần Huy Hoàng	424	22	5.5
A13-07	Lê Minh Hưng	421	29	7.3
A13-08	Vũ Thị Ngọc Hương	424	31	7.8
A13-09	Phạm Nhật Huy	424	27	6.8
A13-10	Phạm Vũ Minh Huy	422	20	5
A13-11	Lâm Nguyễn An Khôi	421	30	7.5
A13-12	Lâm Nguyễn Huy Khôi	423	33	8.3
A13-13	Hồ Anh Kiệt	421	23	5.8
A13-14	Lê Đình Lân	424	29	7.3
A13-15	Nguyễn Thành Long	424	32	8
A13-16	Trần Hiếu Long	423	34	8.5
A13-17	Dương Gia Luận	421	22	5.5
A13-18	Nguyễn Lâm Hoàng Luân	422	33	8.3
A13-19	Huỳnh Bạch Mai	421	27	6.8
A13-20	Hà Trần My Na	423	29	7.3
A13-21	Bùi Duy Nghiêm	424	20	5
A13-22	Nguyễn Bảo Ngọc	423	29	7.3
A13-23	Trần Nguyễn Xuân Nguyệt	423	34	8.5
A13-24	Nguyễn Thị Xuân Như	424	32	8
A13-25	Nguyễn Văn Phát	424	34	8.5
A13-26	Huỳnh Văn Phát	422	30	7.5
A13-27	Võ Hoàng Phong	424	30	7.5
A13-28	Nguyễn Việt Phúc	423	32	8
A13-29	Nguyễn Hoàng Hồng Phúc	421	32	8
A13-30	Nguyễn Hoàng Quế Phụng	423	29	7.3
A13-31	Tổng Thiên Phước	424	29	7.3
A13-32	Võ Nhật Phương	421	30	7.5
A13-33	Vương Hưng Quang	423	31	7.8
A13-34	Huỳnh Ngọc Sơn	424	27	6.8
A13-35	Lương Hữu Thành	423	21	5.3
A13-36	Nguyễn Duy Thịnh	423	21	5.3
A13-37	Nguyễn Anh Thư	423	33	8.3
A13-38	Hồ Thị Thủy Tiên	423	34	8.5
A13-39	Nguyễn Hiếu Trung	423	32	8
A13-40	Nguyễn Đức Trung	421	33	8.3
A13-41	Hồ Lê Anh Tú	422	33	8.3
A13-42	Hà Cao Văn	424	33	8.3
A13-43	Lê Trần Hoàng Yến	421	32	8
A13-44				
A13-45				
A13-46				
A13-47				
A13-48				
A13-49				
A13-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A14-01	Đinh Thị Xuân An	422	32	8
A14-02	Nguyễn Thị Tuyết Anh	424	34	8.5
A14-03	Nguyễn Võ Quốc Bảo	424	33	8.3
A14-04	Trần Ngân Bảo	424	30	7.5
A14-05	Huỳnh Gia Bảo	421	29	7.3
A14-06	Nguyễn Lê Thành Công	424	33	8.3
A14-07	Phạm Lê Thủy Diễm	423	28	7
A14-08	Vũ Thị Mỹ Dung	423	23	5.8
A14-09	Nguyễn Quốc Dũng	421	38	9.5
A14-10	Đỗ Đức Đạt	421	33	8.3
A14-11	Nguyễn Gia Đình	421	29	7.3
A14-12	Trương Thị Hòa Hảo	423	34	8.5
A14-13	Đỗ Minh Hiền	424	36	9
A14-14	Trần Hoàng Quỳnh Hương	423	35	8.8
A14-15	Nguyễn Trần Nhật Huy	421	33	8.3
A14-16	Trương Quang Khải	422	31	7.8
A14-17	Lê Nguyễn Thiên Kim	423	35	8.8
A14-18	Võ Thị Nguyễn Mỹ Linh	424	38	9.5
A14-19	Nguyễn Phạm Tấn Lộc	422	34	8.5
A14-20	Nguyễn Phùng Xuân Mai	423	28	7
A14-21	Trương Triệu Mẫn	422	30	7.5
A14-22	Dương Hồng Minh	421	26	6.5
A14-23	Nguyễn Hồ Ly Na	421	33	8.3
A14-24	Hồ Ngọc Phương Nghi	423	36	9
A14-25	Phan Minh Nghĩa	423	32	8
A14-26	Hoàng Thị Kim Ngọc	421	32	8
A14-27	Đoàn Thị Hồng Ngọc	422	30	7.5
A14-28	Ngô Lê Thảo Nguyên	424	34	8.5
A14-29	Nguyễn Hữu Nhân	421	30	7.5
A14-30	Huỳnh Lê Nhật	424	33	8.3
A14-31	Nguyễn Tấn Nhật	422	33	8.3
A14-32	Vũ Văn Nhật	421	34	8.5
A14-33	Nguyễn Thị Nhung	421	32	8
A14-34	Nguyễn Tú Oanh	423	32	8
A14-35	Ngô Sĩ Hoàng Quý	422	32	8
A14-36	Nguyễn Lê Thảo Quỳnh	423	33	8.3
A14-37	Lương Thanh Sơn	421	33	8.3
A14-38	Nguyễn Bá Thiên	421	35	8.8
A14-39	Nguyễn Quốc Thịnh	424	26	6.5
A14-40	Nguyễn Thanh Thòà	424	29	7.3
A14-41	Phan Minh Thy	423	29	7.3
A14-42	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	423	32	8
A14-43	Hà Phương Trinh	421	34	8.5
A14-44	Nguyễn Văn Anh Tú	424	27	6.8
A14-45	Lê Ngọc Tường Vy	422	31	7.8
A14-46				
A14-47				
A14-48				
A14-49				
A14-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SINH 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A15-01	Đinh Ngô Xuân An	433	35	8.8
A15-02	Nguyễn Thị Tú Anh	431	36	9
A15-03	Trương Ngọc Ánh	434	34	8.5
A15-04	Trần Huỳnh Bảo Bảo	433	36	9
A15-05	Nguyễn Phúc Bảo	431	37	9.3
A15-06	Lương Nguyễn Ngọc Diệu	433	29	7.3
A15-07	Lý Thái Dương	434	29	7.3
A15-08	Ma Huỳnh Khánh Hà	434	35	8.8
A15-09	Lê Thị Hải Hà	433	31	7.8
A15-10	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	432	36	9
A15-11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	434	32	8
A15-12	Nguyễn Ngọc Mỹ Khanh	434	33	8.3
A15-13	Trần Lâm Gia Khánh	433	35	8.8
A15-14	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	434	35	8.8
A15-15	Bùi Mỹ Khánh Linh	434	36	9
A15-16	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	432	30	7.5
A15-17	Nguyễn Thị Yến Linh	433	33	8.3
A15-18	Nguyễn Thị Khánh Ly	432	35	8.8
A15-19	Bạch Nhật Minh	434	35	8.8
A15-20	Đinh Phạm Thuỳ My	431	36	9
A15-21	Lý Gia Nghi	432	36	9
A15-22	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	432	33	8.3
A15-23	Lâm Uyên Nhi	431	32	8
A15-24	Nguyễn Thuận Như	432	36	9
A15-25	Bùi Nguyễn Như Quỳnh	433	32	8
A15-26	Nguyễn Thị Như Quỳnh	432	26	6.5
A15-27	Huỳnh Mai Quỳnh	431	32	8
A15-28	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	433	34	8.5
A15-29	Nguyễn Văn Tài	434	35	8.8
A15-30	Trần Thiên Thanh	431	32	8
A15-31	Nguyễn Phương Thảo	434	34	8.5
A15-32	Phạm Vũ Anh Thư	431	34	8.5
A15-33	Nguyễn Diệu Thư	433	33	8.3
A15-34	Nguyễn Hoàng Anh Thư	434	33	8.3
A15-35	Nguyễn Minh Thư	432	26	6.5
A15-36	Tất An Thuận	431	33	8.3
A15-37	Phạm Ngọc Kim Trang	431	34	8.5
A15-38	Võ Ngọc Phương Trinh	431	35	8.8
A15-39	Nguyễn Thị Thanh Trúc	433	25	6.3
A15-40	Lưu Thanh Trúc	434	31	7.8
A15-41	Nguyễn Hoàng Phương Tuấn	434	35	8.8
A15-42	Trần Phương Uyên	432	35	8.8
A15-43	Đỗ Khánh Vân	434	27	6.8
A15-44	Nguyễn Nhật Vy	431	31	7.8
A15-45	Nguyễn Đan Vy	433	36	9
A15-46				
A15-47				
A15-48				
A15-49				
A15-50				